TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/10/2019
V/v yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Tú Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc*"Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Kim Thị P**, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp TT, xã VT, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Huỳnh T**, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp TT, xã VT, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- *Người phiên dịch tiếng Khmer*: Ông **Sơn C** – Nguyên cán bộ Đài truyền thanh thị xã VC. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Kim Thị P trình bày:

Vào năm 1993, bà P cùng ông Huỳnh T có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung có 03 con chung:

1. Cháu Huỳnh Thị Chành N (nữ, sinh ngày 03/11/1991);

2. Cháu Huỳnh Phè L (nam, sinh ngày 19/12/1994);

3. Cháu Huỳnh Thè R (nam, sinh ngày 28/10/1997).

Từ lúc cưới nhau thì bà P với ông T chung sống bên cha mẹ ruột của bà P tại ấp TV, xã VT, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và ở đây cho đến năm 2000 thì ông bà có nhà riêng tại ấp TT, xã VT, thị xã VC và sống tại đây cho đến nay. Những năm tháng đầu ông bà chung sống không hạnh phúc, nhưng vì thương con và sợ cha mẹ buồn nên kéo dài cho đến hôm nay. Lý do không hạnh phúc, vì ông T bạo hành với bà rất nhiều lần, nên bà phải xa lánh ông T, bà vào chòi tôm trốn vì sợ bị ông T đánh và vì bất đồng quan điểm, nên thường xuyên cãi vã và kéo dài không thể khắc phục được, nay sức chịu đựng của bà đến đây là hết.

Nay bà P nhận thấy tình cảm đã không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tồn tại, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P với ông Huỳnh T.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm khác.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh T trình bày:

Ông T thừa nhận về quan hệ hôn nhân thì giữa ông với bà P có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng đúng như lời bà P trình bày. Nay ông đồng ý với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà P. Về con chung đã trưởng thành, tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung, sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Kim Thị P với ông Huỳnh T;

+ Về con chung: Đã trưởng thành, không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Kim Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P với ông Huỳnh T, do ông bà chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Huỳnh T có địa chỉ tại ấp TT, xã VT, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã VC.

Về nội dung

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà P và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian những năm tháng

đầu ông bà đã chung sống không hạnh phúc, nhưng vì thương con và sợ cha mẹ buồn nên kéo dài đến nay, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, vì không hợp nhau, thường xuyên tranh chấp cãi vã nên tình cảm không thể khắc phục, hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau. Bà P yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ giữa bà P với ông T không phải là vợ chồng và ông T cũng đồng ý với yêu cầu của bà P. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà P và ông T không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa bà P với ông T.

[4] *Về con chung*: Có 03 con chung, nhưng đã trưởng thành và ông bà không yêu cầu. Nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu. Nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 8 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị P.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Kim Thị P với ông Huỳnh T;

2. *Về con chung*: Không xem xét giải quyết;

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết;

4. *Về án phí*: Bà Kim Thị P phải nộp là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007955 ngày 03-6-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Bà P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND tỉnh ST;
- VKSND TX. VC;
- THADS TX. VC;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Lê Vũ Huy Hoàng